

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - TKV
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN NA DƯƠNG - TKV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1082 /NĐND-KHĐT
“V/v: Mời khảo sát và chào giá dự toán cung cấp cửa thép
chống cháy phục vụ sản xuất năm 2024 Công ty Nhiệt điện
Na Dương- TKV”

Lạng Sơn, ngày 31 tháng 5 năm 2024

Kính gửi: Các nhà cung cấp quan tâm

Công ty Nhiệt điện Na Dương- TKV xin gửi lời chào trân trọng và hợp tác tới Quý đơn vị.

Hiện nay, Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV đang có nhu cầu lập dự toán cung cấp cửa thép chống cháy phục vụ sản xuất Công ty Nhiệt điện Na Dương- TKV với danh mục hàng hóa, thông số kỹ thuật danh điểm và số lượng cụ thể như sau:

1. Yêu cầu về hàng hóa, dịch vụ:

1.1 Tên hàng hóa dịch vụ: Cửa thép chống cháy

1.2 Thông số kỹ thuật:

Kích thước từng loại tham khảo chi tiết danh mục đính kèm

Cánh cửa sử dụng thép cán nguội CT3 hoặc SS400 có chiều dày $\geq 1\text{mm}$;
Độ dày cánh $\geq 60\text{mm}$

Khung sử dụng thép cán nóng CT3 hoặc SS400 có chiều dày $\geq 1,2\text{mm}$;
độ dày khung $\geq 100\text{mm}$

Lõi cửa sử dụng vật liệu chống cháy Magie oxide

Gioăng cao su ngăn khói giúp khi đóng cửa kín khít và nhẹ nhàng.

Tay co thủy lực giúp cửa luôn ở trạng thái đóng và ổ khóa tay gạt

Bản lề làm bằng chất liệu inox

Cửa thép được sơn tĩnh điện màu vàng

Giới hạn chịu lửa nhỏ nhất phải đảm bảo TCVN 6160:1996 (có chứng nhận của cơ quan chức năng đạt giới hạn chịu lửa không nhỏ hơn 45 phút).

1.3 Số lượng: 73 cái

2. Nội dung hồ sơ chào giá:

Hà Quang Thứ

CHI TIẾT DANH MỤC SỐ LƯỢNG, THÔNG SỐ KỸ THUẬT
(Đính kèm theo công văn số: 1082 /NĐND - KHĐT/VT ngày 31 tháng 5 năm 2024)

Stt	Vị trí lắp đặt	ĐVT	Số lượng	Thông số kỹ thuật			
				Kiểu cách	Kích thước đã bao gồm khung cửa dự kiến (m)		Diện tích dự kiến (m2)
					Chiều ngang	Chiều cao	
A	PXVH						
I	Khu vực VP PXVH						
1	Cửa trước phòng LĐ PXVH	Cái	1	02 cánh	2,08	2,56	5,3248
2	Cửa sau phòng LĐ PXVH	Cái	1	01 cánh	1,07	2,43	2,6001
3	Cửa trước phòng KTV PXVH	Cái	1	02 cánh	2,07	2,47	5,1129
4	Cửa cạnh bên trái phòng KTV PXVH	Cái	1	01 cánh	1,07	2,47	2,6429
5	Cửa vào hành lang phòng Đội PCCC; Phòng tài liệu PXVH	Cái	1	02 cánh	2,07	2,47	5,1129
6	Cửa Phòng Đội PCCC	Cái	1	01 cánh	1,07	2,44	2,6108
7	Cửa bên trái phòng tài liệu PXVH	Cái	1	01 cánh	1,07	2,43	2,6001
8	Cửa bên phải phòng tài liệu PXVH	Cái	1	01 cánh	1,07	2,43	2,6001
II	Nhà STG						
9	Cửa ngách ra lò 1	Cái	1	01 cánh	1,07	2,05	2,1935
10	Cửa ngách ra lò 2	Cái	1	01 cánh	1,1	2,05	2,255
11	Cửa ngách ra ra tháp làm mát	Cái	1	01 cánh	1,07	2,05	2,1935
12	Cửa ngách ra bể dầu EDG	Cái	1	01 cánh	1,09	2,05	2,2345
13	Cửa ngách trạm TD 6,6kv ra lò 1	Cái	1	01 cánh	1,07	2,05	2,1935
14	Cửa ngách trạm TD 6,6kv ra lò 2	Cái	1	01 cánh	1,07	2	2,14
15	Cửa chính trạm TD 6,6kv	Cái	1	02 cánh	2,08	3,02	6,2816
16	Cửa ngách máy 1 ra bể nước ngưng	Cái	1	01 cánh	1,07	2,05	2,1935
17	Cửa ngách trạm TD 0,4kv ra sàn ra nhiệt máy 1	Cái	1	01 cánh	1,07	2,05	2,1935
18	Cửa ngách trạm TD 0,4kv ra sàn ra nhiệt máy 2	Cái	1	02 cánh	2,08	3,02	6,2816
19	Cửa chính trạm TD 0,4kv	Cái	1	02 cánh	2,07	2,05	4,2435
20	Cửa chính phòng ắc quy	Cái	1	02 cánh	2,08	2,03	4,2224

Stt	Vị trí lắp đặt	ĐVT	Số lượng	Thông số kỹ thuật			
				Kiểu cách	Kích thước đã bao gồm khung cửa dự kiến (m)		Diện tích dự kiến (m2)
					Chiều ngang	Chiều cao	
21	Cửa chính ngoài phòng ĐKTT	Cái	1	02 cánh	2,08	3	6,24
22	Cửa chính trong phòng ĐKTT	Cái	1	02 cánh	2,08	3	6,24
23	Cửa ngách phòng ĐKTT ra sân gia nhiệt máy 1	Cái	1	01 cánh	1,07	2,05	2,1935
24	Cửa ngách phòng ĐKTT ra sân gia nhiệt máy 2	Cái	1	02 cánh	2,08	3	6,24
25	Cửa phòng ăn phòng ĐKTT	Cái	1	01 cánh	1,07	2,04	2,1828
26	Cửa phòng vệ sinh phòng ĐKTT	Cái	1	01 cánh	0,78	2	1,56
27	Cửa chính phòng Role	Cái	1	02 cánh	2,08	3	6,24
28	Cửa ngách phòng Role	Cái	1	01 cánh	1,07	2,03	2,1721
29	Cửa ngách sân ra nhiệt máy 1 ra lò 1	Cái	1	01 cánh	1,125	2	2,25
30	Cửa ngách sân ra nhiệt máy 2 ra lò 2	Cái	1	01 cánh	1,13	2,05	2,3165
31	Cửa ngách lên sân khử khí máy 1	Cái	1	01 cánh	1,13	2,08	2,3504
32	Cửa ngách lên sân khử khí máy 2	Cái	1	01 cánh	1,13	2,06	2,3278
III	Các Nhà trực phụ						
33	Cửa ngách trạm nén khí điều khiển (Nhà EDG)	Cái	1	01 cánh	1,07	2,06	2,2042
34	Cửa nhà hóa chất khô	Cái	1	01 cánh	1,07	2	2,14
35	Cửa ngách trạm bơm tuần hoàn	Cái	1	01 cánh	1,135	2,055	2,332425
36	Cửa lên cầu trục trạm bơm tuần hoàn	Cái	1	01 cánh	1,135	2,11	2,39485
37	Cửa chính nhà dầu	Cái	1	02 cánh	2,07	2,07	4,2849
38	Cửa phụ nhà dầu	Cái	1	01 cánh	1,06	2,08	2,2048
39	Cửa ngách nhà dầu	Cái	1	02 cánh	2,07	3,09	6,3963
40	Cửa phòng trực nén khí phục vụ	Cái	1	02 cánh	1,88	2,86	5,3768
41	Cửa chính phòng lọc bụi tĩnh điện	Cái	1	02 cánh	1,88	2,56	4,8128
42	Cửa ngách phòng lọc bụi tĩnh điện	Cái	1	02 cánh	1,88	2,5	4,7
43	Cửa phòng MBA lọc bụi tĩnh điện	Cái	1	01 cánh	0,98	2,06	2,0188
44	Cửa phòng trực khử khoáng	Cái	1	01 cánh	1,28	2,56	3,2768
45	Cửa phòng tủ điện khử khoáng đối diện bể nước lọc	Cái	1	01 cánh	1,28	2,56	3,2768

Stt	Vị trí lắp đặt	ĐVT	Số lượng	Thông số kỹ thuật			
				Kiểu cách	Kích thước đã bao gồm khung cửa dự kiến (m)		Diện tích dự kiến (m2)
					Chiều ngang	Chiều cao	
46	Cửa phòng tủ điện khử khoáng đối diện bể lắng nhanh	Cái	1	02 cánh	2,08	3,07	6,3856
47	Cửa phòng trực nước thải	Cái	1	02 cánh	2,08	2,56	5,3248
48	Cửa chính phòng tủ điện nước thải	Cái	1	02 cánh	2,08	3,07	6,3856
49	Cửa ngách phòng tủ điện nước thải	Cái	1	01 cánh	0,83	2,07	1,7181
50	Cửa chính phòng trực nhà than	Cái	1	02 cánh	1,88	2,85	5,358
51	Cửa trực nhà than sang phòng giao ca ô tô	Cái	1	01 cánh	0,98	2,04	1,9992
52	Cửa chính phòng giao ca ô tô	Cái	1	01 cánh	0,98	2,09	2,0482
53	Cửa chính phòng trực phân tích	Cái	1	01 cánh	0,98	2,08	2,0384
54	Cửa chính bên phải phòng trực phân tích (phòng để tài liệu KTAT)	Cái	1	01 cánh	0,98	2,08	2,0384
55	Cửa ngách nhà lưu trữ hóa chất tạm thời	Cái	1	01 cánh	0,74	2,21	1,6354
56	Cửa phòng trực nhà đá	Cái	1	02 cánh	1,88	2,87	5,3956
57	Cửa chính phòng trực trạm bơm Nà Cáy	Cái	1	02 cánh	1,88	2,9	5,452
58	Cửa phòng cấp hóa chất trạm bơm Nà Cáy	Cái	1	01 cánh	1,29	2,1	2,709
B	PXSC (phía ngoài tính từ nhà dầu sang số thứ tự lần lượt từ 1 - 6)						
1	Cửa phía ngoài số 01	Cái	1	01 cánh	1,07	2,45	2,6215
2	Cửa phía ngoài số 02	Cái	1	01 cánh	1,07	2,49	2,6643
3	Cửa phía ngoài số 03	Cái	1	01 cánh	1,07	2,48	2,6536
4	Cửa phía ngoài số 04	Cái	1	01 cánh	1,07	2,49	2,6643
5	Cửa phía ngoài số 05	Cái	1	01 cánh	1,07	2,49	2,6643
6	Cửa phía ngoài số 06	Cái	1	01 cánh	1,07	2,47	2,6429
7	Cửa văn phòng PXSC	Cái	1	02 cánh	2,08	2,48	5,1584
8	Cửa phòng trực SC đi ca	Cái	1	01 cánh	1,07	2,4	2,568
9	Cửa phòng trực SCBD 1	Cái	1	01 cánh	1,07	2,42	2,5894
10	Cửa phòng trực SCBD 2	Cái	1	01 cánh	1,07	2,42	2,5894

Stt	Vị trí lắp đặt	ĐVT	Số lượng	Thông số kỹ thuật			
				Kiểu cách	Kích thước đã bao gồm khung cửa dự kiến (m)		Diện tích dự kiến (m2)
					Chiều ngang	Chiều cao	
C	Phòng KHĐTVT (phía ngoài tính từ nhà đá sang số thứ tự lần lượt từ 1 – 3)						
1	Cửa phía ngoài số 01	Cái	1	01 cánh	1,07	2,46	2,6322
2	Cửa phía ngoài số 02	Cái	1	01 cánh	1,07	2,46	2,6322
3	Cửa phía ngoài số 03	Cái	1	01 cánh	1,07	2,46	2,6322
4	Cửa phòng trực vật tư sang kho chính	Cái	1	01 cánh	1,07	2,46	2,6322
5	Cửa ngách kho chính sang phía nhà đá	Cái	1	02 cánh	2,07	2,46	5,0922
D	Tổng cộng		73				247,8887